TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2020/DS-PT
Ngày: 30/3/2020
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Tiên**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Trần Thị Thủy**

2. Bà **Huỳnh Thị Như Hà**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **An Phương Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Tào Minh Quân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/3/2020 và 30/3/2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLPT-DS ngày 13/01/2020 về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 490/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 456/2020/QĐ-PT ngày 10/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 1849/2020/QĐ-PT ngày 02/3/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 2576/2020/QĐ-PT ngày 19/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV BT**
Địa chỉ: A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền:
1. Ông Nguyễn Long T (có mặt)
2. Ông Nguyễn Minh T1 (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Phụng Đức D - Công ty Luật TNHH Tindona, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N** (có mặt)
Địa chỉ: X, Phường Y, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn T2 - Văn phòng Luật sư thuộc chi nhánh Công ty Luật hợp danh Lạc Việt, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Hoàng T3 (xin vắng)
2. Bà Lê Hoàng V
3. Bà Lê Gia L

Đại diện theo ủy quyền bà Vy, bà Linh: bà Nguyễn Thị N (có mặt)

4. Ông Nguyễn T4 (xin vắng)
5. Ông Nguyễn L1 (xin vắng)

Địa chỉ: X, Phường Y, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Nguyễn Quang (xin vắng)
Địa chỉ: M, Phường Y, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Nguyễn Thị V2
Địa chỉ: Q, Phường Y, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N (có mặt)

8. Bà Huỳnh Thị Minh T5 (vắng mặt)
9. Ông Nguyễn Ngọc B (vắng mặt)
10. Bà Huỳnh Thị N (chết năm 2018)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N1: bà Huỳnh Thị Minh T5 (vắng mặt)

Địa chỉ: K, Phường Y, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2013 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty Trách hiệm Hữu hạn Một thành viên BT có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Long Thành và ông Nguyễn Minh T trình bày:

Năm 1994, Công ty Quản lý và Phát triển nhà quận BT, nay là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên (TNHH MTV) BT (sau đây gọi tắt là Công ty) tiến hành thỏa thuận bồi thường cho các hộ dân bị ảnh hưởng nằm trong ranh dự án Khu dân cư Bắc Đinh Bộ Lĩnh, đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo Văn bản số 2106/UB-QLĐT ngày 10/5/1994 và Quyết định số 7460/KTST-QH ngày 22/11/1994 của Kiến trúc sư trưởng Thành phố về việc quy hoạch chi tiết khu nhà ở Bắc Đinh Bộ Lĩnh.

Trong dự án có hộ bà Huỳnh Thị N1 và ngày 24/5/1994, Công ty đã thỏa thuận bồi thường cho bà Huỳnh Thị N1 phần diện tích nhà, đất 3.123m^2 với số tiền 848.798.660 đồng.

Năm 2000, bà Nguyễn Thị N lấn chiếm phần đất do Công ty đã bồi thường cho bà N1 và đã san lấp xong mặt bằng với diện tích 731,3m^2.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty khởi kiện bà N ra Tòa, yêu cầu bà N trả lại cho Công ty phần diện tích đất chiếm dụng là 731,3m^2 thuộc một phần thửa 72,73,74,75, tờ bản đồ số 1, bộ địa chính Phường 26, quận Bình Thạnh (theo tài liệu 299/TTg) tương ứng với vị trí số 5, 6, 7, 8, 10, 15, 17, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 38, 40, 41, 42, 43 theo Bản vẽ số hợp đồng 106372/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên Môi trường Thanh phố Hồ Chí Minh lập ngày 24/02/2010 và Bản vẽ số 007/ĐĐBĐ-VPTT do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng Đo đạc Cát Tường lập ngày 08/6/2015.

Theo lời của bị đơn- bà Nguyễn Thị N thì:

Năm 1977, Sở Nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Hoàng Quốc L3 và ông Lê Văn K 01 miếng đất thuộc bằng khoán 1239, diện tích 3.440m^2. Năm 1989, ông L3 chuyển nhượng cho bà một phần với diện tích 1.805m^2, bà N đã làm nhà trên đó.

Năm 1992, bà N bán cho bà N1 một phần đất không ghi rõ diện tích, cho đến nay bà có bán cho một số anh chị em trong nhà gồm ông Nguyễn T2, ông Nguyễn L, ông Nguyễn Quang và bà Nguyễn Thị V1.

Việc Công ty đền bù cho bà Huỳnh Thị N1 là sai vì Công ty chưa hề tiếp xúc với những người có liên quan thực tế sử dụng đất, tự giao dịch với bà Huỳnh Thị N1. Riêng việc chuyển nhượng đất giữa bà N và bà N1 tuy có xảy ra, nhưng chỉ mới là thỏa thuận ban đầu, chưa nêu giá trị chuyển nhượng và diện tích chuyển nhượng cụ thể. Về giấy sang nhượng đất giữa ông L và bà N1 thì bà N không biết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Lê Hoàng T2, ông Nguyễn T3, ông Nguyễn L1, ông Nguyễn Q đều xác định:

Công ty TNHH MTV BT không có chứng cứ chứng minh hiện trạng vị trí đất mà ông đang sử dụng thuộc quyền sử dụng của Công ty.

Đối với bà Nguyễn Thị V1: bà xác định không liên quan trong vụ kiện này.

Bản án sơ thẩm đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV BT đòi bà N trả lại cho Công ty phần diện tích đất chiếm dụng là 731,3m^2 thuộc một phần thửa 72,73,74,75, tờ bản đồ số 1, bộ địa chính Phường 26, quận Bình Thạnh (theo tài liệu 299/TTg) tương ứng với vị trí số 5, 6, 7, 8, 10, 15, 17, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 38, 40, 41, 42, 43 theo Bản vẽ số hợp đồng 106372/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 24/02/2010 và Bản vẽ số 007/ĐĐBĐ-VPTT do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng Đo đạc Cát Tường lập ngày 08/6/2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa Công ty và bà N là "tranh chấp đòi tài sản" là chưa chính xác, đúng phải là "tranh chấp quyền sử dụng đất", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp, xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thì cho rằng, tại đơn khởi kiện, Công ty (nguyên đơn) đã tự xác định "Tranh chấp đòi lại đất bị chiếm dụng", như vậy Tòa án cấp sơ thẩm không sai khi xác định tranh chấp giữa Công ty và bà N là "Đòi tài sản". Đối với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và đã được thẩm tra tại phiên tòa, thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh tài sản (đất) mà nguyên đơn đòi trả là của nguyên đơn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trọng hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định phía nguyên đơn chưa phải là người có quyền về tài sản đối với

731,3m^2 tại các thửa 72, 73, 74, 75 tờ bản đồ số 1, Bộ địa chính phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc sửa bản án sơ thẩm; đồng thời nhắc nhở nội dung nhận định tại dòng thứ 3, 4 từ dưới lên trên của bản án sơ thẩm là không cần thiết.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, lời phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự hai bên và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Nguyễn T2, ông Nguyễn L1, ông Nguyễn Q, ông Nguyễn Hoàng T3 cùng có đơn xin vắng mặt; bà Lê Hoàng V2, bà Lê Gia L, bà Nguyễn Thị V1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N đại diện. Riêng bà Huỳnh Thị Minh T5 và ông Nguyễn Ngọc B dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự đưa ra xét xử vắng mặt họ.

Tại phần đầu của Bản án sơ thẩm, ghi tên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là "*ông Lê Hoàng L*", nay căn cứ Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 17/8/2019 của Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Bình Thạnh (do bị đơn cung cấp tại phiên tòa), được thay đổi thành "*bà Lê Gia L*".

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hình thức: Đơn kháng cáo được thực hiện trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Về nội dung: với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị sửa bản sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2013 (Bút lục 133), nguyên đơn đã xác định "Đòi lại đất bị chiếm dụng bất hợp pháp", như vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp "Đòi tài sản" là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi bị đơn trả lại tài sản là phần đất diện tích 731.3m^2 dựa vào các tài liệu, chứng cứ sau:

+ Văn bản số 2106/UB-QLĐT ngày 10/5/1994 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao đất xây dựng nhà ở phục vụ chương trình nhà ở ven kênh Nhiêu Lộc- Thị Nghè (Bút lục 119);

+ Quyết định số 7460/KTST-QH ngày 22/11/1994 của Kiến trúc sư trưởng thành phố (Bút lục 96);

+ Quyết định số 6513/QĐ-UBND-QLĐT ngày 10/3/2013 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch dự án Khu quy hoạch Bắc Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh (Bút lục 519-523);

+ Bản đồ 106372/ĐĐBĐ-VPTT ngày 24/02/2010 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường thành phố và Bản vẽ số 007/ĐĐ.2015/CT do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đo đạc Cát Tường lập ngày 08/6/2015 (Bút lục 75-76)

+ Giấy sang nhượng đất giữa ông L1 và bà N1 lập ngày 07/4/1992 (Bút lục 85);

+ Biên bản bồi hoàn lập ngày 24/5/1994, giữa Công ty và bà Huỳnh Thị N1 (Bút lục 118);

+ Tờ trình của bà N1 về việc xin công nhận nguồn gốc đất ngày 24/12/1992 (Bút lục 120);

+ Đơn xin đăng ký sử dụng ruộng đất của bà N1 lập ngày 08/7/1992 (Bút lục 121);

+ Giấy phép hợp thức hóa nhà ngày 10/01/1991 cấp cho bà N1 (Bút lục 81);

+ Các Biên bản vi phạm hành chính ngày: 02/8/2004, 09/8/2004, 24/9/2005 đối với bà N (Bút lục 104-106).

Tuy nhiên, với những tài liệu, chứng cứ nêu trên, vẫn chưa đủ cơ sở xác định nguyên đơn có quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất đang tranh chấp. Bởi lẽ, theo Văn bản số 2106/UB-QLĐT ngày 10/5/1994 của Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) Thành phố Hồ Chí Minh, thì UBND Thành phố chấp thuận cho UBND quận Bình Thạnh sử dụng 5ha đất tại đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh để xây dựng nhà và di chuyển nhà trên và ven kênh Nhiêu Lộc- Thị Nghè thuộc địa bàn quận Bình Thạnh. Như vậy, nguyên đơn không phải là cơ quan được giao thẩm quyền thực hiện dự án và tiến hành thu hồi, đền bù cho các hộ dân thuộc dự án.

Nguyên đơn lý giải rằng nguyên đơn là một Phòng ban trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, nguyên đơn đã thực hiện việc bồi hoàn cho các hộ dân thuộc dự án theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, tuy nhiên vẫn là chỉ đạo miệng và không chứng cứ nào để chứng minh nguyên đơn được sự ủy nhiệm, hay ủy quyền thực hiện công tác bồi thường, di dời cho các hộ dân trong dự án khu nhà ở Bắc Đinh Bộ Lĩnh từ Ủy ban nhân dân quận. Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra để chứng minh là Công văn ủy nhiệm số 91/CV.97 ngày 12/4/1997 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, tuy nhiên văn bản này lại

được ban hành sau thời điểm nguyên đơn thực hiện việc đền bù và thu hồi đất đối với bà N1.

[2.3] Việc nguyên đơn dùng Biên lai nộp tiền sử dụng đất ngày 27/7/2005 để chứng minh quyền của mình đối với tài sản tranh chấp vẫn chưa phù hợp, bởi việc nộp thuế sử dụng đất không phải là căn cứ duy nhất chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của mình theo quy định của Luật đất đai.

Hơn nữa, tại Tờ trình số 675/BOBT ngày 18/9/2013, nguyên đơn chỉ mới xin giao đất đợt 1 Khu quy hoạch Bắc Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, đến nay nguyên đơn vẫn chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao đất (trong đó có phần đất đang tranh chấp) như nội dung tờ trình. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn cũng xác định đến thời điểm hiện tại, vì lý do có sự thay đổi nhân sự thường xuyên, nên nguyên đơn vẫn chưa được cấp có thẩm quyền giao đất.

[2.4] Về việc nguyên đơn đã thực hiện bồi hoàn tài sản cho bà Huỳnh Thị N1, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn xét bồi thường cho bà N1 căn cứ vào Giấy sang nhượng lập ngày 07/4/1992 giữa ông L2 và bà N1, trong khi đó bị đơn cũng có Giấy sang nhượng đất vào năm 1989 với ông L2 và được xác nhận của chính quyền địa phương nơi ông L2 cư trú.

Việc bị đơn có chuyển nhượng lại một phần đất cho bà N1 hay không vẫn chưa có chứng cứ rõ ràng, trên thực tế bị đơn và các anh, chị em của bị đơn đang trực tiếp sử dụng đất, nhưng khi xét bồi thường cho bà N1 nguyên đơn đã không kiểm tra, làm rõ người thực tế sử dụng đất là có thiếu sót.

[2.5] Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/3/2020, đại diện nguyên đơn có cung cấp thêm văn bản số 5496/UB-QLĐT ngày 25/7/1993, cho thấy rằng UBND Thành phố giao cho UBND quận Bình Thạnh chịu trách nhiệm điều chỉnh, di chuyển hoặc chuyển đổi nhà ở và thực hiện chính sách trợ cấp, đền bù cho các hộ dân cư trong khu vực quy hoạch công trình, đồng thời còn quy định UBND quận Bình Thạnh lập Ban chỉ đạo thu hồi đất, tuy nhiên ngoài văn bản này, phía nguyên đơn vẫn không chứng minh được việc đã thành lập Ban chỉ đạo thu hồi đất theo văn bản chỉ đạo của UBND Thành phố. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để nguyên đơn thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ, nhưng đến ngày mở lại phiên tòa, phía nguyên đơn cũng vẫn không cung cấp được gì thêm để chứng minh cho quyền của mình đối với tài sản tranh chấp đòi.

Với các nhận định trên đây, xét thấy phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, cũng như quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm nên lưu ý về nội dung nhận định tại phần nhận định của Bản án sơ thẩm: *"Nếu sau này phía nguyên đơn có đủ điều kiện về phần đất mà mình tranh chấp thì được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có yêu cầu"*, việc nhận định này là không cần thiết.

[3]. Về án phí: Do y án sơ thẩm, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 293; Điều 296; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 256 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên BT.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 1178/2019/DS-ST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên BT đòi bị đơn - bà Nguyễn Thị N trả lại cho nguyên đơn 731,3m^2 đất thuộc một phần thửa 72, 73, 74, 75 tờ bản đồ số 1, bộ địa chính phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu 299/TTg), tương ứng với vị trí số 5, 6, 7, 8, 10, 15, 17, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 38, 40, 41, 42, 43 theo Bản vẽ hiện trạng vị trí áp ranh số 106372/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 24/02/2010 và Bản vẽ số 007/ĐĐBĐ-VPTT do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng Đo đạc Cát Tường lập ngày 08/6/2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, nguyên đơn-Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên BT phải chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01614 ngày 19/11/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn-Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên BT phải chịu, được cấn trừ vào

tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017057 ngày 23/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Q. Bình Thạnh;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Mỹ Tiên